TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẤP VÒ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 23-11-2018
V/v Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Hùng.

2. Ông Nguyễn Văn Lực.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thanh Kiều, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 23 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LV xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 314/2018/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2018/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 77/2018/QĐST-DS ngày 16/11/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Bích V, sinh năm 1990; địa chỉ: Số 269, ấp AH, xã ĐA, huyện LV, Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1988; địa chỉ: số 473, ấp BA, xã BT, huyện LV, Đồng Tháp.

(Chị V và anh T có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện đề ngày 10/9/2018, biên bản hòa giải và tại phiên tòa chị V trình bày:

Chị V và anh T cưới nhau năm 2010, không đăng ký kết hôn. Chung sống đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau và xa nhau từ tháng 6/2017 đến nay. Quá trình chung sống có hai con chung tên Huỳnh Thảo T, sinh ngày 25/10/2012 và Huỳnh Thảo Q, sinh ngày 04/4/2015, hiện đang sống với chị V. Về chia tài sản chung, nợ chung không có. Nay chị V yêu cầu được ly hôn, yêu cầu tiếp tục nuôi hai con, không yêu cầu cấp dưỡng. Về chia tài sản, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Trong biên bản hòa giải và tại phiên tòa anh T trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của chị V về thời gian chung sống, con chung, tài sản, nợ. Nay anh T đồng ý ly hôn, đồng ý để chị V tiếp tục nuôi con, anh T không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản, nợ không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị V xin ly hôn với anh T đang sinh sống tại xã BT, huyện LV nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, theo quy định tại Điều 28, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị V và anh T chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn.

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh T là tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn theo luật định, nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn và thực hiện theo nghi thức kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nay chị V yêu cầu ly hôn, anh T đồng ý.

Tuy nhiên, tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.”

Tại Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về giải quyết hậu quả của việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn:

"1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng…".

Từ Điều luật trên, xét sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị V và anh T là không phù hợp pháp luật nên không được chấp nhận. Bởi lẽ, chị V và anh T chung sống với nhau mà không đăng ký kết hôn thì không được pháp luật thừa nhận là vợ chồng.

[2.2] Về nuôi con chung:

Quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, chị V và anh T thống nhất có hai con chung tên Huỳnh Thảo T, sinh ngày 25/10/2012 và Huỳnh Thảo Q, sinh ngày 04/4/2015, hiện đang sống với chị V. Chị V và anh T thống nhất con chung sẽ do chị V nuôi dưỡng, chị V không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, con chung từ khi chị V và anh T xa nhau do chị V nuôi dưỡng, đến nay hai con vẫn khỏe mạnh, phát triển bình thường, chị V đủ điều kiện kinh tế lo cho con. Do đó, sự thỏa thuận này là phù hợp, Hội đồng xét xử công nhận.

Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị V và các thành viên trong gia đình không được cản anh T thực hiện quyền này.

[2.3] Về chia tài sản và nợ chung: Chị V và anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Chị V xin ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Không công nhận quan hệ giữa chị Huỳnh Thị Bích V và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung:

Chị Huỳnh Thị Bích V được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên Huỳnh Thảo T, sinh ngày 25/10/2012 và Huỳnh Thảo Q, sinh ngày 04/4/2015, chị Huỳnh Thị Bích V không yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị V và các thành viên trong gia đình không được cản anh Nguyễn Văn T thực hiện quyền này.

3. Về án phí:

Chị Huỳnh Thị Bích V tự nguyện nộp đủ 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003069 ngày 25 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV.

4. Án xử có mặt chị V và anh T. Báo cho chị V và anh T biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện LV;
- CCTHADS huyện LV;
- Các đương sự;
- UBND xã ĐA (Để biết);
- UBND xã BT (Để biết);
- Lưu: hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lê Thị Kiều Tiên